TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;

2. Ông Đào Văn Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 294/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lầm Gin S, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Số 44, phố 6, ấp 5, xã PL, huyện ĐQ, tỉnh ĐN; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Từ Nguyên T, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Thôn BT, xã PC, huyện K, tỉnh M; địa chỉ nơi làm việc: Công ty TNHH MTV Nệm Ghế HV - thửa đất số 174, tờ bản đồ số 59, khu phố 7, phường UH, thị xã AB, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2017, các lời khai quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lầm Gin S trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lầm Gin S và ông Từ N Trường đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PL, huyện ĐQ, tỉnh ĐN theo giấy chứng nhận kết hôn số

158/2015, quyển số 01/2014 ngày 08/6/2015. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T không biết lo cho vợ con, bà S không còn tin tưởng vào ông T. Hiện tại, bà S và ông T đã không còn chung sống với nhau được khoảng mười một tháng. Bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà S và ông T có một con chung Từ Nguyên Tuấn K, sinh ngày 30/11/2016. Hiện tại con chung đang sống cùng bà S. Khi ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Sấm yêu cầu ông Từ Nguyên T cấp dưỡng nuôi con chung 1.300.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/8/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Từ Nguyên T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Từ Nguyên T thống nhất với phần trình bày về thời gian đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do sự khác biệt về văn hóa dân tộc, ông T là người Việt, bà S là người Hoa, văn hóa khác nhau, gia đình và họ hàng nhà bà S không tôn trọng ông T từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Ông T xác định ông T và bà S đã không còn chung sống cùng nhau, ông T hiện đang sống ở khu nhà ở dành cho công nhân tại Công ty TNHH MTV Nệm Ghế H V khu phố 7, phường UH, thị xã AB, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, ông Từ Nguyên T xác định ông T thương vợ con, ông T mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng chăm lo cho con. Do đó, trước yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lầm Gin S, ông T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất theo phần trình bày của bà S, vợ chồng có một con chung Từ Nguyên Tuấn K, sinh ngày 30/11/2016. Nếu ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện Kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung: Bà Lầm Gin S và ông Từ Nguyên T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PL, huyện ĐQ, tỉnh ĐN theo Giấy chứng nhận kết hôn số

158/2015, quyển số 01/2014 ngày 08/6/2015, là hôn nhân hợp pháp. Bà S cho rằng vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Từ Nguyên Tuấn K, sinh ngày 30/11/2016 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 1.300.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ông T thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn và không còn sống chung, tuy nhiên muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bà S không đồng ý. Con chung Từ Nguyên Tuấn K, sinh ngày 30/11/2016 hiện tại chưa được 36 tháng tuổi. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Từ Nguyên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lầm Gin S và ông Từ Nguyên T là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, bà S và ông T đều xác định vợ chồng có những mâu thuẫn, vợ chồng hiện tại không còn sống chung, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Từ Nguyên T không đồng ý ly hôn muốn vợ chồng đoàn tụ vì còn thương vợ con. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Đồng thời, từ khi bà S và ông T xảy ra mâu thuẫn đến nay, ông T không thể thuyết phục bà S quay về đoàn tụ và bà S kiên quyết ly hôn. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà S và ông T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà S yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà S và ông T có một con chung Từ Nguyên Tuấn K, sinh ngày 30/11/2016. Bà S và ông T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét, hiện tại con chung đang sinh sống cùng bà Lầm Gin S, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con", bà S đủ điều kiện trực tiếp nuôi con và không đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng nên việc bà S yêu cầu được nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi

con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Do vậy, bà S yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận theo quy định viện dẫn trên. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, bà S yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung 1.300.000 đồng/tháng là phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế nên buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.300.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Lầm Gin S được ly hôn với ông Từ Nguyên T.

2. Về con chung: Giao con chung Từ Nguyên Tuấn K, sinh ngày 30/11/2016 cho bà Lầm Gin S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Từ Nguyên T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.300.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Từ Nguyên T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lầm Gin S phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0013103 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ông Từ Nguyên T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01)
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND phường PL, huyện ĐQ, tỉnh ĐN (01) ;
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết